

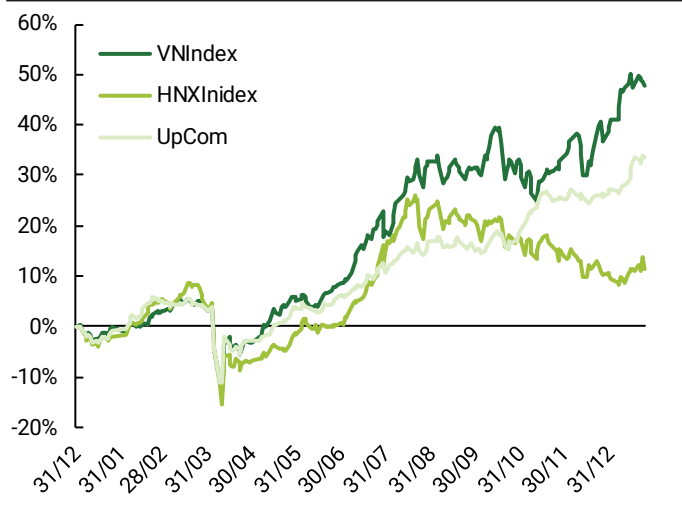
VN-Index **1870.79 (-0.63%)**
958 Tr. cổ phiếu 29516.6 Tỷ VND (-12.61%)

HNX-Index **252.96 (-2.12%)**
92 Tr. cổ phiếu 2060.7 Tỷ VND (-19.01%)

UPCOM-Index **127.07 (-0.08%)**
79 Tr. cổ phiếu 903.0 Tỷ VND (-40.41%)

VN30F1M **2076.00 (-0.53%)**
253,467 HD OI: 38,172 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1870.8, giảm -11.9 điểm (-0.63%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vin trở lại nâng đỡ, song áp lực chốt lời tại nhóm giao dịch kênh trên trở nên quyết liệt hơn (tiêu biểu ở các ngân hàng quốc doanh và nhóm dầu khí) khiến chỉ số không giữ được sắc xanh. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+2.7%), VHM (+1.7%), VRE (+1.7%) | Dịch vụ tài chính: TCX (+5.5%), VCI (+2.1%) | Du lịch và Giải trí: VJC (+7.0%), VPL (+2.0%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Dầu khí: BSR (-7.0%), PVD (-5.2%) | Ngân hàng: VCB (-3.4%), VPB (-2.4%), BID (-2.3%) | Thực phẩm và đồ uống: VNM (-5.2%), VHC (-3.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VTP (-5.2%), PVT (-4.8%) | Tiện ích: POW (-6.1%), GAS (-3.8%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VJC, TCX, TCB - Chiều giảm | VCB, GAS, BID, GVR, BSR
Khối ngoại: Bán ròng gần 200 tỷ, tập trung nhiều ở VCB, VHM, CTG, trong khi mua ròng STB, TCX, PLX.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với nến sao rơi (Shooting star), tiếp tục cho thấy lực cung chiếm ưu thế trên vùng cao. Chỉ báo MACD đã cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI đang trên đà giảm, hàm ý động lượng tăng chững lại và rủi ro nghiêng về điều chỉnh. Trong kịch bản tích cực, VN-Index có thể nhận được lực đỡ từ khu vực hỗ trợ 1850 – 1860 và tiếp tục trạng thái đi ngang củng cố nền giá. Tuy nhiên, ở chiều thận trọng, nếu các trụ cột tiếp tục suy yếu, đồng nghĩa việc chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1850 điểm, khả năng quay về kiểm định mốc tâm lý 1800 điểm sẽ gia tăng.
- HNX-Index** kết phiên với mẫu hình nến giảm Marubozu và phủ định đà tăng phiên trước. Dù vậy, thanh khoản chưa đột biến cho thấy lực cung chưa gây áp lực lớn. Trạng thái có lẽ trở lại đi ngang củng cố thêm vùng 252 – 256.
- Chiến lược chung:** Quan sát thêm quá trình kiểm định lại hỗ trợ ở các cổ phiếu, tránh hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng. Các vị thế còn lại nếu chưa vi phạm có thể tiếp tục Nắm giữ. Lưu ý nếu các trụ lớn tiếp tục điều chỉnh có thể gây áp lực lên chỉ số chung và tạo ra phân hóa, lúc này nên tập trung vào danh mục hiện có để tối ưu việc quản trị vốn. Những nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiêu dùng, Dầu khí, Công nghệ.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Cắt lỗ TTN – Mua FPT (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,870.8 ▼	-0.63%	-0.4%	5.6%	29,516.6 ▼	-12.6%	-17.3%	12.4%	958.4 ▼	-13.5%	-6.3%	11.2%				
HNX-Index	253.0 ▼	-2.12%	0.3%	-1.0%	2,060.7 ▼	-19.0%	-3.8%	41.0%	92.3 ▼	-21.3%	-11.0%	36.9%				
UPCOM-Index	127.1 ▼	-0.08%	0.0%	5.9%	903.0 ▼	-40.4%	-59.8%	-55.6%	78.8 ▲	31.8%	-41.9%	-10.4%				
VN30	2,077.8 ▼	-0.2%	-0.1%	3.2%	17,183.3 ▼	-13.4%	-21.5%	16.4%	386.5 ▼	-10.1%	-18.9%	5.6%				
VNMID	2,248.1 ▼	-1.3%	-1.3%	0.2%	8,355.8 ▼	-17.0%	-20.6%	-8.8%	312.7 ▼	-23.5%	-16.2%	-15.4%				
VNSML	1,499.3 ▼	-1.03%	-0.3%	0.4%	1,763.5 ▼	-22.4%	1.3%	23.5%	107.3 ▼	-28.7%	1.1%	21.2%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	692.3 ▼	-1.4%	0.46%	12.4%	8,436.5 ▼	-30.70%	-25.3%	-16.2%	257.6 ▼	-18.6%	-27.8%	-25.9%				
Bất động sản	819.0 ▲	1.4%	3.1%	4.0%	3,508.9 ▼	-31.7%	-31.0%	-34.4%	120.1 ▼	-45.9%	-27.8%	-22.3%				
Dịch vụ tài chính	328.0 ▲	1.2%	-1.1%	2.2%	4,372.1 ▲	20.1%	-12.7%	7.7%	160.0 ▲	7.8%	-16.1%	3.1%				
Công nghiệp	280.0 ▼	-1.6%	-2.3%	6.0%	1,286.4 ▼	-3.3%	-31.0%	-18.8%	34.5 ▼	-6.8%	-24.8%	-11.4%				
Tài nguyên cơ bản	530.2 ▼	-0.6%	-2.4%	0.3%	940.3 ▼	-2.8%	-34.7%	-31.6%	37.3 ▼	-12.0%	-37.4%	-34.9%				
Xây dựng - Vật Liệu	185.6 ▼	-1.0%	-1.2%	0.2%	1,010.2 ▼	-19.8%	-18.6%	-13.6%	51.4 ▼	-22.2%	-16.8%	-7.5%				
Thực phẩm	547.4 ▼	-1.7%	-1.6%	1.7%	2,402.5 ▲	23.1%	-10.5%	17.0%	49.2 ▲	6.8%	-13.2%	3.9%				
Bán Lẻ	1,575.5 ▼	-0.8%	3.3%	3.1%	1,234.6 ▲	67.1%	30.3%	29.2%	22.5 ▲	108.6%	64.3%	72.6%				
Công nghệ	539.6 ▼	-2.4%	4.7%	10.1%	1,034.2 ▲	14.0%	-40.2%	5.2%	11.6 ▲	10.4%	-41.6%	-5.2%				
Hóa chất	194.9 ▼	-4.27%	4.7%	30.7%	1,319.5 ▼	-36.1%	-1.0%	26.8%	29.7 ▼	-44.7%	-12.2%	9.9%				
Tiện ích	862.2 ▼	-2.9%	1.6%	34.0%	724.1 ▼	-26.3%	-20.2%	-3.6%	26.7 ▼	-23.0%	-6.7%	-1.2%				
Dầu khí	101.1 ▼	-5.53%	7.6%	40.6%	1,768.0 ▲	20.6%	16.9%	57.0%	61.1 ▲	27.5%	25.1%	47.9%				
Dược phẩm	449.9 ▼	-0.1%	1.3%	5.0%	46.3 ▼	-28.1%	-21.3%	-18.1%	2.8 ▲	23.9%	34.1%	25.3%				
Bảo hiểm	113.7 ▼	-4.3%	2.6%	29.4%	118.1 ▼	-17.7%	-29.7%	-0.7%	2.6 ▲	2.6%	-24.3%	-5.0%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,870.8 ▼	-0.63%	47.7%	18.3x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,314 ▬	0.21%	-6.1%	14.0x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,951 ▼	-0.46%	26.4%	22.5x	2.3x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,661 ▬	0.09%	0.6%	16.8x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,333 ▼	-1.02%	-3.0%	10.7x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,136 ▬	0.33%	23.4%	19.7x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,750 ▬	0.45%	33.3%	13.5x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	53,847 ▬	0.29%	35.0%	22.7x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,913 ▬	0.55%	17.5%	27.6x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	49,384 ▬	0.63%	16.1%	25.6x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,152 ▬	0.02%	24.2%	15.3x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,926 ▼	-0.50%	21.0%	18.0x	2.5x
DX/USD		98.4 ▼	-0.40%	-9.3%		
USD/VND		26,246 ▼	-0.10%	3.0%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

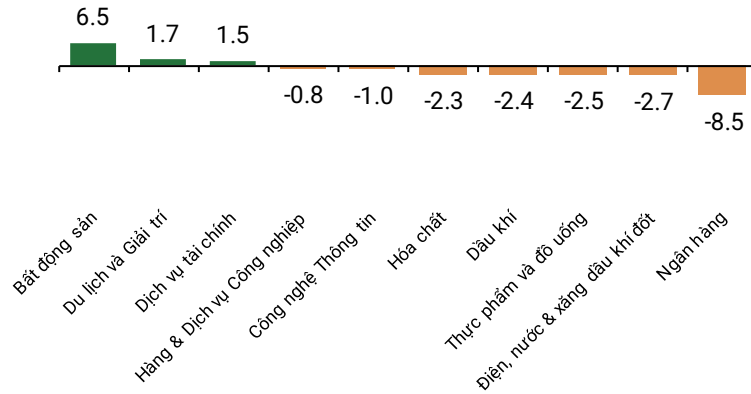
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.4%	4.1%	-13.0%	-17.1%
Dầu WTI	▲	1.6%	3.3%	-15.9%	-19.2%
Khí gas	▼	-1.8%	12.3%	36.3%	25.5%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-3.5%	-13.7%	-7.9%
Thép HRC (*)	▬	0.2%	0.3%	-5.4%	-5.0%
PVC (*)	▬	0.0%	2.4%	-11.5%	-12.4%
Phân Urea (*)	▬	0.1%	6.9%	14.0%	11.2%
Cao su thiên nhiên	▲	2.8%	4.6%	-5.9%	-6.6%
Bông Cotton	▼	-0.8%	-0.4%	-6.8%	-5.5%
Đường	▬	0.5%	-2.6%	-23.1%	-20.8%
World Container Index	▼	-9.5%	1.4%	-41.8%	-35.8%
Baltic Dirty tanker Index	▲	2.0%	20.6%	74.6%	89.1%
Vàng	▲	1.8%	9.7%	87.5%	78.6%
Bạc	▲	6.0%	38.2%	241.4%	224.0%

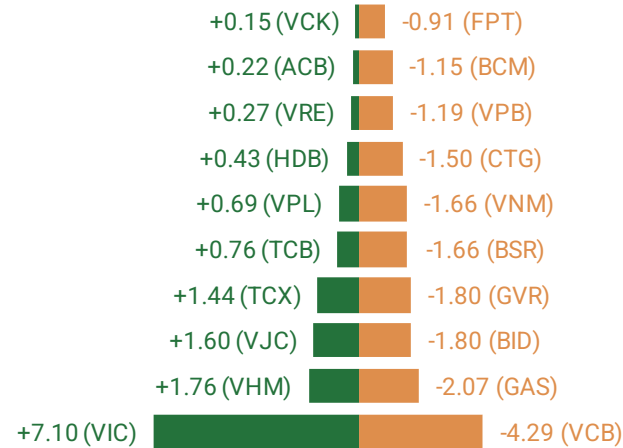
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

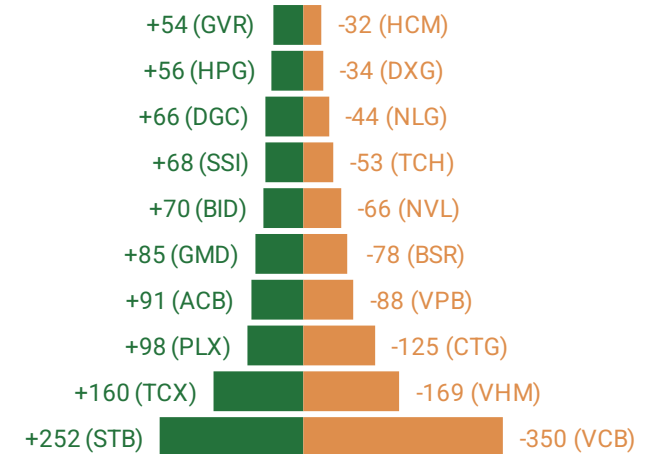
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



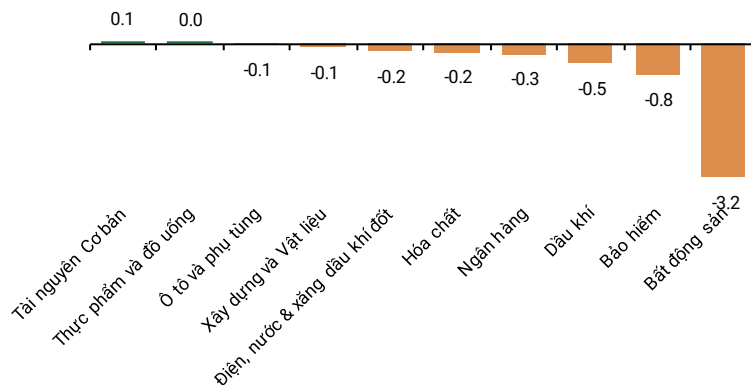
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



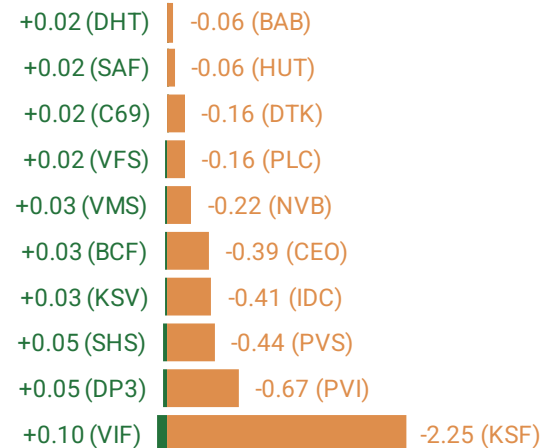
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



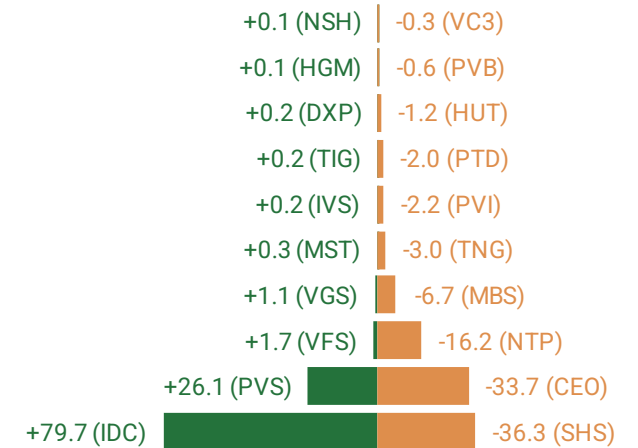
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



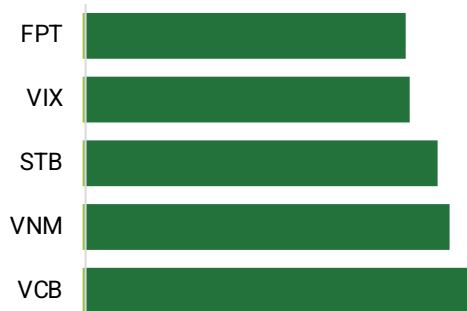
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VCB	VNM	STB	VIX	FPT
%DoD	-3.4%	-5.2%	-1.4%	-1.2%	-2.4%
Giá trị	1,168	1,099	1,066	979	967

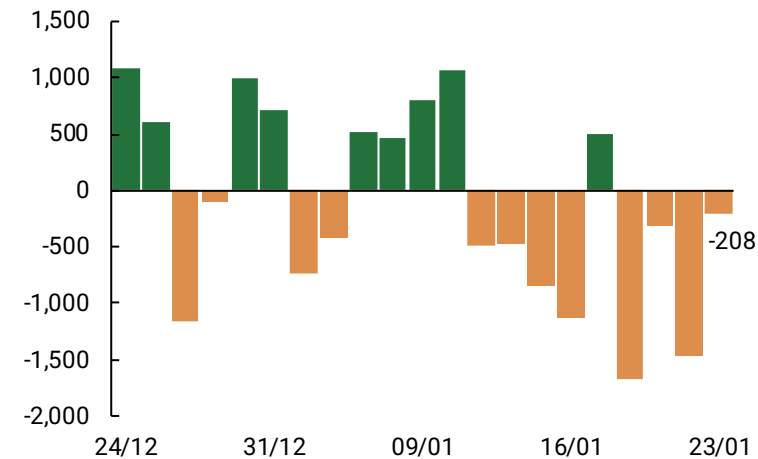
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	PET	VCB	VJC	HDB	MCH
%DoD	-6.6%	-3.4%	7.0%	1.4%	0.0%
Giá trị	355	279	247	232	158

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



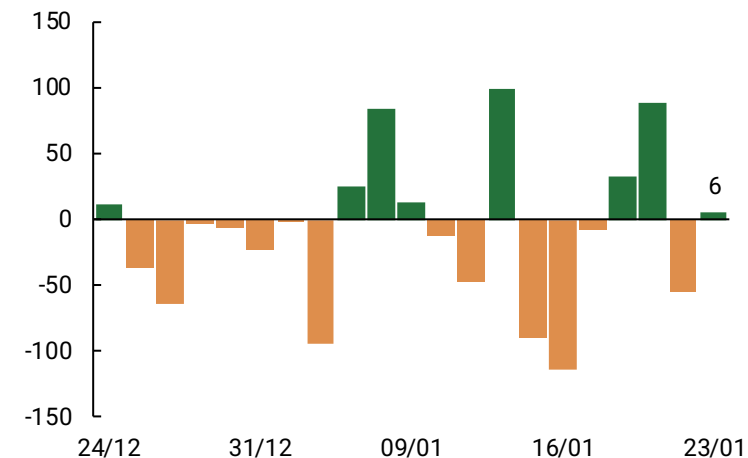
	PVS	SHS	CEO	IDC	MBS
%DoD	-3.7%	0.5%	-5.8%	-4.0%	0.0%
Giá trị	342	317	293	259	125

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	DNP	TPP	IDC	KMT
%DoD	0.5%	-0.5%	-5.0%	-4.0%	0.0%
Giá trị	104	51	40	5	3

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Shooting star, vol giảm so với phiên trước và dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt, MACD cắt xuống đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định ngưỡng 1850.

Kịch bản: Nỗ lực phục hồi tiếp tục chưa thành công và chỉ số lùi về sắc đỏ. Chỉ báo MACD cũng cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI hạ nhiệt cho thấy động lượng tăng chững lại. Hỗ trợ duy trì hiện quanh ngưỡng 1850 điểm, khả năng sẽ được kiểm định ở các phiên tới. Nếu chỉ số lùi về thấp hơn, áp lực điều chỉnh có thể sâu hơn với mục tiêu là mốc tâm lý 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol giảm dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2020 – 2050.
- ✓ Kháng cự: 2100.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt, MACD cắt xuống đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: củng cố nền giá quanh ngưỡng 2050.

➔ Vận động nhìn chung tiếp tục rung lắc củng cố trong vùng 2050 – 2090. Giao dịch tiếp tục được bù trừ bởi sự tăng giảm đan xen giữa các trụ cột lớn trong rổ. Tuy nhiên, MACD đã cắt xuống đường tín hiệu hàm ý áp lực điều chỉnh có phần chi phối hơn. Nếu chỉ số lùi về dưới ngưỡng 2050 sẽ gia tăng khả năng kiểm định lại mốc tâm lý 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	TTN	CUT LOSS	Current price	17.37		P/E (x)	9.7
Exchange	UPCoM		Action price	17.5 - 18		P/B (x)	1.4
Sector	Fixed Line Telecommunications		Selling price	(26/1)	17.2 - 17.5	EPS	1795.6
					-2.5%	ROE	13.9%
						Stock Rating	
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá lùi về dưới MA10, 20 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI cũng giảm về dưới mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Rủi ro cao hơn nếu điều chỉnh dưới mức 16.8
- ➔ Xu hướng tăng vi phạm.
- ➔ Khuyến nghị Cắt lỗ, có thể tận dụng nhịp hồi trong phiên.

STOCK		STRATEGY		Technical		Financial Ratio		
Ticker	FPT	BUY	Current price	101.00		P/E (x)	19.1	
			Action price	26/01	101		P/B (x)	4.81
Exchange	HOSE		Target price		112	10.9%	EPS	5280.2
			Cut loss		95	-5.9%	ROE	27.4%
Sector	Software						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ ngắn hạn 100 - 101.
 - Thanh khoản chưa đột biến hàm ý lực cung chưa quá tiêu cực
 - Chỉ báo MACD hạ nhiệt nhưng vẫn duy trì trên đường tín hiệu cùng với RSI vận động trên mức trung bình cho thấy động lượng ổn định.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh lành mạnh và có thể quay lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	TTN	Cắt lỗ	26/01/2026	17.37	17.2 - 17.5	-2.5%	20.0	12.4%	16.6	-6.7%	
2	FPT	Mua	26/01/2026	101.0	101.0	-	112.0	10.9%	95	-5.9%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	KBC	Mua	09/01/2026	-	36.30	35 - 35.5	3.0%	39.5	12.1%	33	-6.4%	
2	ACB	Mua	14/01/2026	-	25.05	24.5 - 24.9	1.4%	28.0	13.4%	23.5	-4.9%	
3	ACV	Mua	22/01/2026	-	58.58	59 - 60	-1.5%	70.0	17.6%	54	-9.2%	
4	MSN	Mua	23/01/2026	-	79.00	79.4 - 79.9	-0.8%	88.0	10.5%	75	-6.0%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2076, giảm 11 điểm (-0.5%). Giá mở cửa khởi sắc đầu phiên nhưng đà tăng nhanh chóng chứng lại và áp lực điều chỉnh đã trở lại chi phối mạnh hơn trong phiên chiều.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD đã cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI giảm về dưới ngưỡng trung bình 50, hàm ý áp lực điều chỉnh đang chi phối. Dù vậy, khu vực quanh ngưỡng 2075 cũng là hỗ trợ có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật. Vị thế Short có thể chờ khi giá suy yếu tại khu vực cản 2080 – 2085, hoặc khi giá tiếp tục sập gãy ngưỡng 2074. Vị thế Long cân nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 2092.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1950.5, giảm 6.5 điểm (-0.3%). Độ lệch basis -6.1 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 55 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1940, trong khi kháng cự là ngưỡng 1960 điểm.

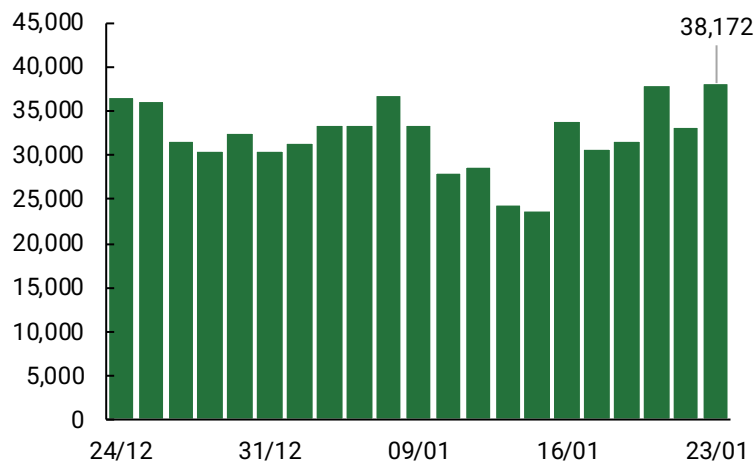
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 2082	2070	2090	12 : 08
Short	< 2074	2062	2082	12 : 08
Long	> 2092	2104	2084	12 : 08

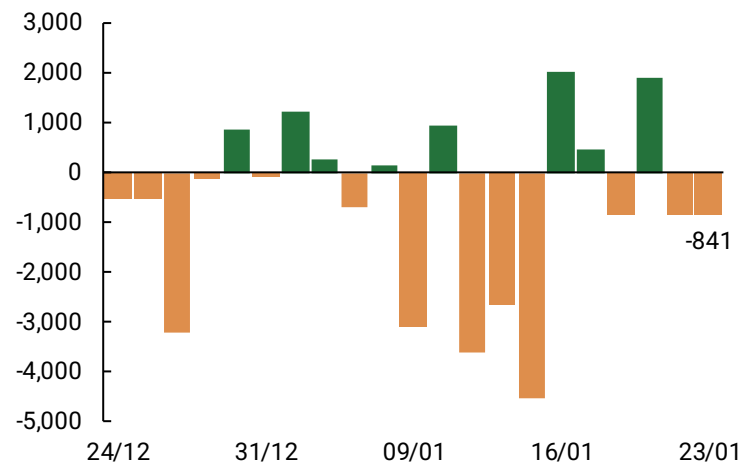
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	2,080.3	8.3	37	76	2,091.3	-11.0	17/09/2026	237
4111G6000	2,077.4	6.4	38	334	2,086.1	-8.7	18/06/2026	146
4111G3000	2,076.0	-1.9	589	1,520	2,080.9	-4.9	19/03/2026	55
4111G2000	2,076.0	-11.0	253,467	38,172	2,079.0	-3.0	13/02/2026	21
4112G2000	1,950.5	-6.5	55	31	1,957.8	-7.3	13/02/2026	21

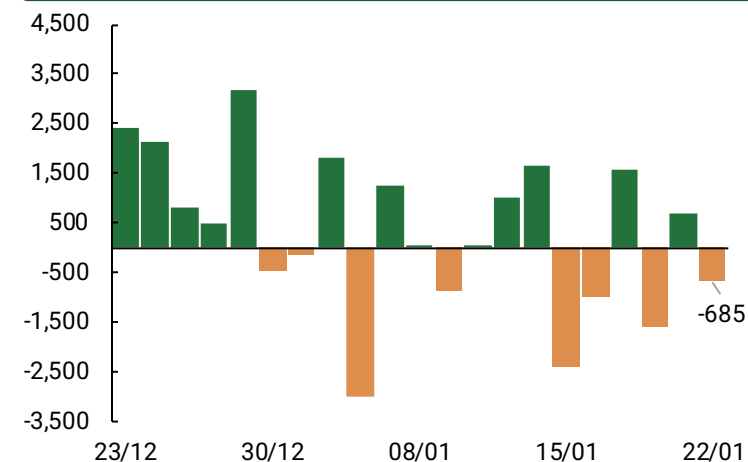
Khối lượng mở (Open interest)



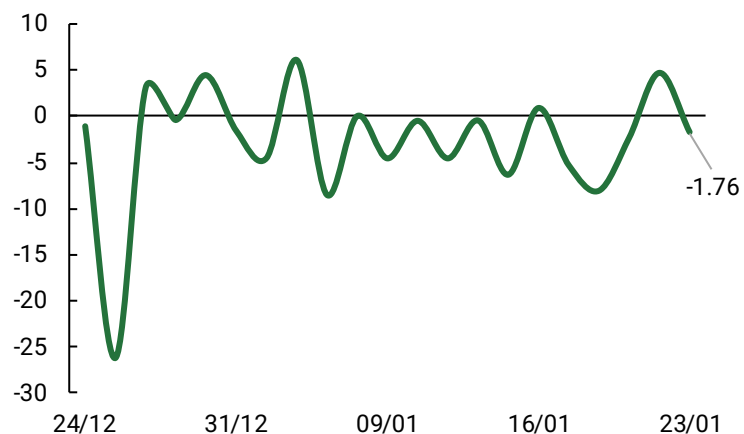
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



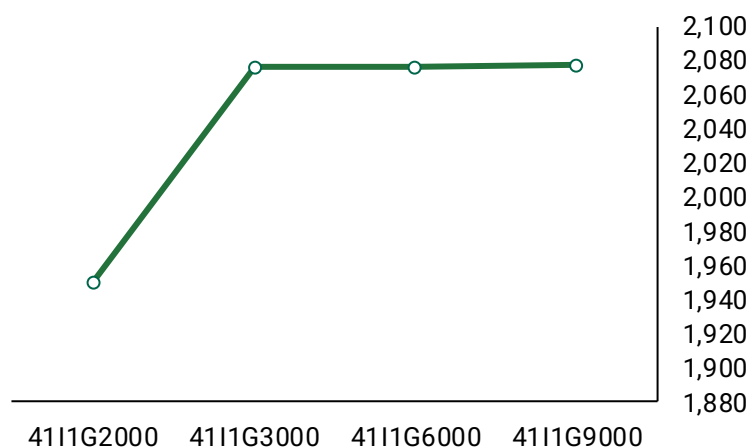
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



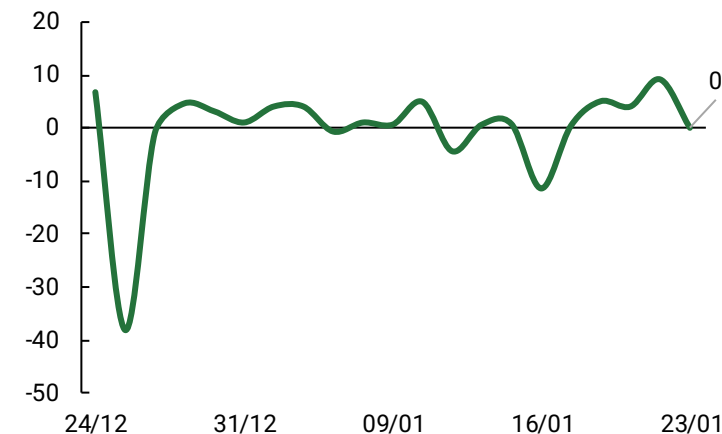
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,700	65,400	-11.3%	Bán
BCM	69,300	74,500	7.5%	Nắm giữ
CTD	74,600	87,050	16.7%	Tăng tỷ trọng
CTI	23,450	27,200	16.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	51,900	68,000	31.0%	Mua
DDV	28,152	35,500	26.1%	Mua
DGC	73,900	99,300	34.4%	Mua
DGW	45,750	48,500	6.0%	Nắm giữ
DPG	44,950	53,100	18.1%	Tăng tỷ trọng
DPR	40,550	46,500	14.7%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,335	17,200	39.4%	Mua
EVF	11,750	14,400	22.6%	Mua
FRT	151,800	135,800	-10.5%	Bán
GMD	68,500	72,700	6.1%	Nắm giữ
HAH	57,700	67,600	17.2%	Tăng tỷ trọng
HDG	26,300	33,800	28.5%	Mua
HHV	12,700	12,300	-3.1%	Giảm tỷ trọng
HPG	26,750	30,200	12.9%	Tăng tỷ trọng
IMP	53,700	55,000	2.4%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	26,950	22,700	-15.8%	Bán
MSH	35,400	43,100	21.8%	Mua
MWG	85,800	92,500	7.8%	Nắm giữ
NLG	29,700	39,900	34.3%	Mua
NT2	26,050	27,400	5.2%	Nắm giữ
PHR	62,200	72,800	17.0%	Tăng tỷ trọng
PNJ	112,400	95,800	-14.8%	Bán
PVT	19,850	18,900	-4.8%	Giảm tỷ trọng
SAB	49,300	57,900	17.4%	Tăng tỷ trọng
TLG	51,900	53,400	2.9%	Nắm giữ
TCB	36,500	35,650	-2.3%	Giảm tỷ trọng
TCM	27,200	37,900	39.3%	Mua
TRC	81,000	95,800	18.3%	Tăng tỷ trọng
VCG	22,800	26,200	14.9%	Tăng tỷ trọng
VHC	59,000	60,000	1.7%	Nắm giữ
VNM	67,200	66,650	-0.8%	Giảm tỷ trọng
VSC	21,850	17,900	-18.1%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

Việt Nam được Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm đối với các công cụ nợ dài hạn cao cấp có bảo đảm: Ngày 22/1/2026, Tổ chức Xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings (Tổ chức Fitch) nâng xếp hạng tín nhiệm đối với các công cụ nợ dài hạn cao cấp có bảo đảm của Việt Nam từ mức BB+ lên mức BBB-.

Vàng thế giới vượt mốc 4,900 USD, bạc và bạch kim nổi dài chuỗi lập kỷ lục: Giá vàng lần đầu tiên vượt mốc 4,900 USD/oz, được thúc đẩy bởi căng thẳng địa chính trị kéo dài, đồng USD suy yếu và kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ cắt giảm lãi suất. Trong khi đó, giá bạc và bạch kim tiếp tục lập các mức cao kỷ lục mới.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

MWG thu kỷ lục gần 6 tỷ USD năm 2025: Theo báo cáo kinh doanh mới công bố, CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động ghi nhận doanh thu thuần đạt mức kỷ lục 156,166 tỷ đồng (gần 6 tỷ USD), tương đương thu về 428 tỷ đồng mỗi ngày. Con số này tăng 16.2% so với năm 2024 và vượt 4% kế hoạch năm. Doanh thu online đóng góp khoảng 9,200 tỷ đồng, chiếm 5.9% tổng nguồn thu của tập đoàn. Hai chuỗi Thế Giới Di Động bao gồm Topzone (TGDD) và Điện Máy Xanh (ĐMX) đóng góp doanh thu lần lượt 37,300 tỷ và 68,400 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng 18% so với năm 2024. Chuỗi Bách Hóa Xanh đóng góp doanh thu gần 46,900 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2024.

ANV - Thủy sản Nam Việt lãi kỷ lục gần 1,000 tỷ đồng: Theo báo cáo tài chính quý IV/2025, ANV ghi nhận doanh thu tăng mạnh 56% lên 2,119 tỷ đồng, nhờ sản lượng và giá bán đều tăng. Lãi gộp nhảy vọt lên 425 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ, tương ứng biên lợi nhuận gộp cải thiện lên trên 20%. Sau khi trừ các chi phí, công ty lãi sau thuế 252 tỷ đồng, gấp hơn 42 lần cùng kỳ năm ngoái, song thấp hơn 2 quý liền trước. Lũy kế từ đầu năm, Navico báo cáo doanh thu đạt mức kỷ lục gần 7,000 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế thu về hơn 999 tỷ đồng, gấp 21 lần năm liền trước.

GEE - Gelex Electric lãi ròng hơn 3,200 tỷ cả năm: Quý IV/2025, công ty ghi nhận doanh thu thuần tăng 11.5% so với cùng kỳ lên 7,228 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp đạt 16.2%, giảm nhẹ so với cùng kỳ. Doanh thu tài chính suy giảm do hụt phần cổ tức, lợi nhuận được chia. Trái lại, chi phí tài chính tăng gấp đôi lên 237 tỷ do lỗ bán khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Các chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng đều gia tăng so với cùng kỳ. Trừ đi các chi phí, Gelex Electric ghi nhận lãi sau thuế 557 tỷ, giảm 14% so với quý IV/2024. Lũy kế cả năm, GEE ghi nhận 25,463 tỷ đồng doanh thu thuần, lãi sau thuế 3,401 tỷ; tăng lần lượt 20.5% và 98% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ là 3,241 tỷ, gấp đôi cùng kỳ.

PVI lỗ quý 4: Quý 4/2025, doanh thu thuần bảo hiểm của PVI đạt 2,638 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ, nhờ doanh thu phí bảo hiểm gốc và tái bảo hiểm lần lượt tăng 17% và 19%, trong khi chi phí nhượng tái bảo hiểm tăng chậm hơn (16%). Tuy nhiên, mức bồi thường tăng hơn 40% cùng chi phí khai thác tăng 34% kéo tổng chi phí bảo hiểm tăng 36% lên 2,579 tỷ đồng. Biên lợi nhuận bảo hiểm vì vậy giảm mạnh, lợi nhuận gộp chỉ còn 59 tỷ đồng, giảm 65%. Thu nhập từ bảo hiểm và tài chính không đủ bù đắp chi phí quản lý khiến PVI lỗ trước thuế 31 tỷ đồng và lỗ ròng 38 tỷ đồng, trái ngược mức lãi lần lượt 154 tỷ đồng và 64 tỷ đồng cùng kỳ 2024.

- 05/01 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 06/01 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 12 và Quý 4/2025
- 09/01 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 13/01 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 14/01 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
- 15/01 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng phái sinh
- 19/01 Trung Quốc - GDP Quý 4 yoy
Việt Nam - Công bố thành phần VN30
- 20/01 Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
- 22/01 Mỹ - GDP Q3 cuối cùng
- 28/01 Canada - BOC họp và công bố lãi suất
- 27 – 28/01 Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
- 30/01 Hạn chót tái cơ cấu trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415